

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** Phòng E402**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 24/03/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0220	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	06/07/1998				
2	TA0221	Nguyễn Trọng Quốc	Anh	16/02/1999				
3	TA0222	Phạm Trung Tuấn	Anh	09/02/1999				
4	TA0223	Hoàng Trọng	Đạt	19/05/1999				
5	TA0224	Mai Quốc	Đạt	17/09/1997				
6	TA0225	Đỗ Trọng	Đức	13/11/1999				
7	TA0226	Bùi Minh	Hải	13/06/1999				
8	TA0227	Vũ Quốc	Hải	06/05/1997				
9	TA0228	Đinh Văn	Hiếu	10/10/1998				
10	TA0229	Phạm Xuân	Hòa	12/04/1998				
11	TA0230	Đỗ Văn	Huy	07/11/1998				
12	TA0231	Trần Thị Mai	Lan	25/05/1998				
13	TA0232	Trần Diệu	Linh	18/09/1999				
14	TA0233	Mai Thị	Loan	26/12/1999				
15	TA0234	Nguyễn Tiến	Mạnh	16/11/1999				
16	TA0235	Nguyễn Trần Hải	Minh	04/09/1998				
17	TA0236	Nguyễn Hải	Nam	04/09/1998				
18	TA0237	Bùi Thị	Oanh	19/01/1998				
19	TA0238	Tăng Thị Như	Quỳnh	20/09/1999				
20	TA0239	Tô Khánh	Quỳnh	07/08/1999				
21	TA0240	Phạm Trường	Sinh	05/02/1999				
22	TA0241	Vũ Ngọc	Thắng	15/09/1998				
23	TA0242	Tạ Đình	Thành	20/03/2000				
24	TA0243	Đinh Thị Thanh	Thuỷ	02/12/1998				
25	TA0244	Nguyễn Ngọc	Thúy	20/10/1998				
26	TA0245	Nguyễn Thị	Thúy	25/08/1998				
27	TA0246	Trần Nguyễn Thu	Trang	23/06/1998				
28	TA0247	Lê Minh	Trí	28/03/1998				
	TA0248	Nguyễn Công	Tú	01/10/1998				
29	TA0249	Nguyễn Văn	Tụ	16/05/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)